

Số: **2019/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **22** tháng **8** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Phương án đấu giá quyền
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đợt 2 năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
Căn cứ Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022;
Công văn số 6506/UBND-TN ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục đấu giá vào Kế hoạch quyền khai thác khoáng sản Đợt 2 năm 2022;



Căn cứ Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 tỉnh;

Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thôn Phú Mậu, xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế”;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2022

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 398/TTr-STNMT ngày 12 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đợt 2 năm 2022.

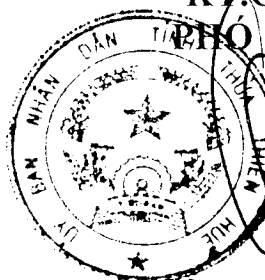
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Tổ giúp việc về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (thành lập theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh) và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CVP và PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương



PHƯƠNG AN

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Đợt 2 năm 2022
(Kèm theo Quyết định số **2019/QĐ-UBND** ngày **22/ 8 /2022**
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
Căn cứ Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022.
Công văn số 6506/UBND-TN ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục đấu giá vào Kế hoạch quyền khai thác khoáng sản Đợt 2 năm 2022;
Căn cứ Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 tỉnh;

Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thôn Phú Mậu, xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế”;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2022

II. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm, thông tin khu vực đấu giá quyền khai thác

1.1. Tổng số gồm 04 khu vực mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó:

a) 03 mỏ đất làm vật liệu san lấp chưa thăm dò khoáng sản nhưng có tài nguyên dự báo;

b) 01 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã có kết quả thăm dò khoáng sản.

1.2. Thông tin về các khu vực đấu giá như vị trí, ranh giới, diện tích, tài nguyên dự báo được thể hiện ở *Phụ lục kèm theo*.

1.3. Hiện trạng đất mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Đối với 04 khu vực mỏ chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Phương thức tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan.

Thông tin địa chất khoáng sản hiện nay được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (các tổ chức có nguyện vọng và cần tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan đến các khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, xin liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được giải quyết).

2. Nguyên tắc đấu giá

2.1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2.2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, khách quan.

2.3. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức đủ điều kiện (có hồ sơ hợp lệ và nộp tiền đặt trước) tham gia đấu giá.

2.4. Chỉ tiến hành đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2.5. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.

2.6. Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành.

2.7. Trường hợp có ít hơn 02 tổ chức đủ điều kiện tham gia đấu giá thì không tổ chức đấu giá. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh.

3. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, vốn chủ sở hữu

3.1. Giá khởi điểm

- Giá khởi điểm của các loại khoáng sản theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; chi phí giải phóng mặt bằng; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

- Đối với mỏ đá làm VLXDĐT đã có kết quả thăm dò khoáng sản, việc hoàn trả chi phí đã đầu tư thăm dò được thực hiện theo nguyên tắc tự thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức đã đầu tư với tổ chức sử dụng thông tin và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

3.2. Bước giá

- Bước giá của các loại khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản Đợt 2 năm 2020 theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3.3. Tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước

a) Tiền đặt trước

- Tiền đặt trước là khoản tiền mà tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp trước khi tham gia cuộc đấu giá, được tính bằng đồng Việt Nam.

- Tiền đặt trước theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt

Tổ chức tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá chuyên nghiệp.

- Tiền đặt trước nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Tiền đặt trước của người trúng đấu giá chuyển thành tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được trừ vào số tiền trúng đấu giá.

- Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm chuyển số tiền đặt cọc của tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tổ chức tham gia đấu giá được nhận lại hoặc không nhận lại tiền đặt trước theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và điểm b khoản 3.3 này.

b) Xử lý tiền đặt trước

- Tổ chức tham gia đấu giá mà trúng đấu giá thì số tiền này được trừ vào số tiền trúng đấu giá phải nộp.

- Tiền đặt trước được hoàn trả cho tổ chức tham gia đấu giá nhưng không trúng đấu giá trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, trừ trường hợp không được hoàn trả tiền đặt trước theo quy định

- Các trường hợp không được hoàn trả tiền đặt trước bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

- Tiền đặt trước không được hoàn trả trong các trường hợp quy định khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản.

4. Vốn chủ sở hữu của các dự án đầu tư khai thác khoáng sản

Các tổ chức tham gia đấu giá phải có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tương đương giá khởi điểm đã được xác định tại Quyết định phê duyệt giá khởi điểm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 15/7/2022.

Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu được quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

5. Mức thu tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá: Theo quy định hiện hành.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Đấu giá tài sản và Điều 9 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Tổ chức đấu giá theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, Luật Đấu giá tài sản 2016, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật liên quan, cụ thể một số nội dung như sau:

1. Cơ quan tổ chức thực hiện việc đấu giá: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá: Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiến hành lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp và ký hợp đồng dịch vụ đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn có trách nhiệm thực hiện đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Nội dung hồ sơ đấu giá

3.1. Hồ sơ mời đấu giá

Căn cứ phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản gồm các nội dung chính như sau:

- Tên loại khoáng sản, địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá.
- Địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức phiên đấu giá;
- Thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản; phương thức tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan, hiện trạng về cơ sở hạ tầng, sử dụng đất khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá;
- Giá khởi điểm, tiền đặt trước;
- Các biểu mẫu cần có trong hồ sơ đấu giá (đơn đề nghị tham gia đấu giá, những yêu cầu cơ bản về mặt kinh tế - kỹ thuật v.v...).

3.2. Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản lập và nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (hợp lệ) trực tiếp tại Văn phòng của tổ chức đấu giá tài sản, hồ sơ gồm 02 bộ với các nội dung như sau:

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*theo Mẫu số 01 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC*);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp đăng ký thành lập theo quy định; *Đính kèm danh mục hoạt động ngành nghề khai thác khoáng sản theo quy định.*

- Bản chính (đóng tập): Hồ sơ giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (*theo Mẫu số 02 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính*)

- Bản chính: Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu. Trường hợp Doanh nghiệp mới thành lập phải có Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; hoặc Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức, có vốn tối thiểu bằng 30% giá khởi điểm của mỏ tổ chức đấu giá.

- Bản chính: Văn bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (*theo mẫu 03/54/2014/TTLT-BTNMT-BTC của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính*)

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan Thuế đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đến thời điểm tham gia đấu giá;

- Bản chính hoặc bản sao: Văn bản chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản và giấy phép đã được cấp đến thời điểm tham gia đấu giá đối với tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh đã nộp phí tham gia đấu giá;

4. Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá và hồ sơ tham gia đấu giá

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá: Tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 34 và Điều 51 Luật Khoáng sản năm 2010 có đủ điều kiện theo quy định của Nghị Định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trừ những trường hợp không được tham gia đấu giá tại Điều 9 Nghị Định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản.

4.2. Điều kiện tham gia đấu giá: Các tổ chức tham gia đấu giá phải có đủ các điều kiện sau:

- Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Phần III và được Tổ giúp việc về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022 được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 tổ chức xét chọn khi có đủ thành phần hồ sơ quy định tại điểm 3.2 khoản 3 phần III và đáp ứng các điều kiện quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Phương án này, đồng thời có các điều kiện sau:

- Có cam kết của tổ chức tín dụng, ngân hàng hoặc tổ chức khác về việc cho vay vốn để thực hiện dự án hoặc các văn bản khác chứng minh khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư;

- Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Năng lực thiết bị thi công và kinh nghiệm:

+ Bản kê khai và các giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc hợp đồng thuê máy móc thiết bị của doanh nghiệp, số lượng tối thiểu các dự án tương tự hoặc cùng loại hình dự án (có vốn đầu tư tương đương hoặc 70% vốn đầu tư tối thiểu) mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu.

+ Danh sách, trình độ người lao động, năng lực tổ chức đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác dự án. Một số yêu cầu về môi trường, an toàn; tính khả thi, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (chỉ tiêu nộp ngân sách, giải quyết việc làm cho lao động địa phương, sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng); mức độ cam kết tiến độ chung của dự án, tiến độ chi tiết triển khai dự án, cam kết hình thức xử lý nếu vi phạm từng mốc tiến độ triển khai dự án theo cam kết (nếu có).

- Riêng đối với tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nộp kèm theo văn bản chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản và giấy phép đã được cấp đến thời điểm tham gia đấu giá.

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nếu không tham dự cuộc đấu giá phải có văn bản uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực đấu giá theo quy định của pháp luật.

- Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 03 người tham gia cuộc đấu giá, trong đó có 01 người đại diện được trả giá.

- Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

5. Hình thức và phương thức đấu giá, số vòng đấu giá

Đấu giá công khai, rộng rãi bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từng vòng, liên tục cho đến khi không có người tham gia đấu giá tiếp, người trả giá cao nhất là người trúng đấu giá với phương thức trả giá lên.

6. Thông báo đấu giá tài sản

Trên cơ sở Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, Quyết định phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quyết định phê duyệt giá khởi điểm, Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, tổ chức đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai thông tin đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên các phương tiện đại chúng của Trung ương hoặc địa phương nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 ngày và đồng thời niêm yết việc đấu giá tại trụ sở đơn vị tổ chức đấu giá, trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Thời gian niêm yết, thông báo công khai và đăng tải thông tin liên tục trong 15 ngày trước ngày bắt đầu tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Nội dung niêm yết, thông báo công khai gồm: Tên, địa chỉ của đơn vị thực hiện cuộc đấu giá; tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá; tên loại khoáng sản, địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; Giá khởi

điểm, tiền đặt trước; thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá; thời gian địa điểm đấu giá; ngày bắt đầu tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá và các thông tin khác có liên quan.

7. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, hình thức, thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ ngày niêm yết đấu giá đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá 02 ngày.

8. Xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá

a) Tiêu chí xét chọn

Tổ chức được xét chọn tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 phần III; điểm 4.2. khoản 4 phần III và đáp ứng các điều kiện quy định tại phụ lục 02 kèm theo Phương án này.

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức khai thác khoáng sản quy định tại Điều 51 Luật khoáng sản.

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

Tổ chức tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm do Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế tổ chức, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

b) Trình tự xét chọn

Ngay sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đơn vị thực hiện cuộc đấu giá có trách nhiệm chuyển hồ sơ của người đăng ký tham gia đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các thành viên Tổ giúp việc về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (thành lập theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh) tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và gửi kết quả thẩm định bằng văn bản cho đơn vị thực hiện cuộc đấu giá trước ngày mở cuộc đấu giá 01(một) ngày làm việc.

Sau khi nhận được kết quả thẩm định đơn vị thực hiện cuộc đấu giá có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá biết về kết quả thẩm định trước thời điểm mở cuộc đấu giá 24 giờ.

9. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 11 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ. Ngoài ra, còn thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khu vực mỏ, bãi chế biến và đất xây dựng các công trình khác phục vụ khai thác khoáng sản và hoàn thành thủ tục đất đai theo quy định.

- Người trúng đấu giá đã được cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản nếu vi phạm quy định của pháp luật, UBND tỉnh sẽ thu hồi giấy phép và không hoàn trả các khoản chi phí đã đầu tư.

- Thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng san mục đích khác theo quy định Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

10. Tổ chức đấu giá

a) Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản 2016.

b) Phê duyệt và thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện theo Điều 22, 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

11. Phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Thực hiện theo Điều 7, 8 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện phương án này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC***(Kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 22/ 8 /2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)***I. Khu vực chưa có thăm dò khoáng sản**

T T	Tên loại khoáng sản, vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 107°, múi chiếu 3°)		Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm R _{dg} =mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Giá khởi điểm Tạm tính (làm tròn) (đồng)	Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm tạm tính) (làm tròn) (đồng)	Bước giá=10% mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)						
1	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực 1 núi Mỏ Điều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc	9,5	M1	1.797.062,15	601.405,16	1.000.000	3%	893.3900.000	134.009.000	0,3%	Trong khu vực QHD29 thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND, diện tích 22,0 ha
			M2	1.797.066,72	601.754,23						
			M3	1.796.962,03	601.758,93						
			M4	1.796.736,25	601.751,09						
			M5	1.796.804,01	601.454,63						
			M6	1.797.015,84	601.414,24						
2	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực 2, núi Mỏ Điều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc	30,2	M1	1.797.658,89	602.231,28	2.500.000	3%	2.233.474.000	335.022.000	0,3%	Khu vực QHD30 thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND, diện tích 60,5 ha
			M2	1.797.936,85	602.147,17						
			M3	1.797.982,98	602.247,65						
			M4	1.797.977,63	602.376,56						
			M5	1.798.051,75	602.506,25						
			M6	1.798.184,16	602.538,86						
			M7	1.798.202,80	602.705,88						
			M8	1.798.156,11	602.899,19						
			M9	1.797.799,80	603.151,98						
			M10	1.797.804,80	602.762,15						

T T	Tên loại khoáng sản, vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 107°, múi chiếu 3°)		Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm R _{dg} =mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Giá khởi điểm Tạm tính (làm tròn) (đồng)	Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm tạm tính) (làm tròn) (đồng)	Bước giá=10% mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)						
			M11	1.797.695,22	602.425,41						
3	Mỏ đất làm VLSSL tại khu vực núi Cảnh Dương, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc	28,78	M1	1.802.655,07	602.070,94	2.000.000	3%	1.786.779.000	268.017.000	0,3%	Khu vực QHĐ25 thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND, diện tích 55,8 ha
			M2	1.802.969,55	601.818,36						
			M3	1.803.149,08	601.840,55						
			M4	1.802.554,00	601.586,20						
			M5	1.803.264,85	601.203,44						
			M6	1.802.607,71	601.958,09						

II. Khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 107°, múi chiều 3°)		Trữ lượng đã được phê duyet (m ³)	Giá khởi điểm = Tiền cấp quyền KTKS (làm tròn) (đồng)	Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm (làm tròn) (đồng)	Bước giá=10% giá khởi điểm (làm tròn) (đồng)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)					
1	Mỏ đá làm VLXDTT thôn Phú Mậu, xã Hương Phú, huyện Nam Đông	4,8	M1	1.793.294,00	575.756,00	743.142	2.393.996.000	359.100.000	239.400.000	Trong khu vực QHK46 thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND
			M2	1.793.374,00	575.938,00					
			M3	1.793.144,00	576.068,00					
			M4	1.793.078,00	575.945,00					
			M5	1.793.108,00	575.932,00					
			M6	1.793.135,00	575.903,00					
			M7	1.793.145,00	575.851,00					